

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
K,
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 10 -2022
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị D

2/ Bà Đỗ Thị Lệ H

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều T - Thư ký Tòa án nhân dân K, Thành Phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân K, Thành Phố C tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hoàng D – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành Phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 819/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Châu Thị Hồng N, sinh năm: 1979 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 162B khu vực Yên Hạ, phường T, quận C, Thành Phố C.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 249G khu vực 6, phường An Bình, K, Thành Phố C.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần M.

Địa chỉ: 25 Trần Hưng Đạo, phường P, quận H thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: 301 đường 30/4, phường X, K, Thành Phố C.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn Đ, ông Trần Quốc H.

Địa chỉ: 26/28 Nguyễn An Ninh, phường T, K, Thành Phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Châu Thị Hồng N trình bày:

Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thường Thạnh, quận C, Thành Phố C. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp. Mặc dù ông bà đã cố gắng, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: ông bà có 01 con chung: Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày: 15/09/2018. Cháu P hiện tại đang ở chung với bà N, bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T đã tạo lập được phần đất thừa số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực Y, phường T, quận C, Thành Phố C. Bà N và ông T có ký hợp đồng tín dụng để vay của ngân hàng số tiền 1.090.000.000đ, để đảm bảo cho khoản vay trên bà N và ông T có thể chấp phần đất thừa số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực Y, phường T, quận C, Thành Phố C. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ: 1.299.259.458đ. Bà N đồng ý trả số tiền trên và đồng ý thực hiện việc phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và bất đồng, nay bà N yêu cầu ly hôn ông T đồng ý.

Về con chung: ông bà có 01 con chung Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày: 15/09/2018. Ông T đồng ý để bà N nuôi con, ông T không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T đã tạo lập được phần đất thừa số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực Y, phường T quận C, Thành Phố C. Bà N và ông T đã dùng tài sản trên thế chấp để vay của ngân hàng số tiền

1.090.000.000đ. Đến thời điểm hiện tại ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ là 1.299.259.458đ. Ông T đồng ý trả cho ngân hàng số tiền trên và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho ngân hàng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng thương mại cổ phần M trình bày: bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng số: REF 2034400225/HĐTD/SCB-NVT ngày 17/12/2020 và hợp đồng vay theo hạn mức thấu chi: REF2034400367/HĐTD/SCB-NVT ngày 17/12/2020. Vay tổng số tiền là 1.090.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay trên bà N và ông T đã ký hợp đồng thế chấp số REF2034400225/HĐTC/SCB-NVT ngày 17/12/2020, để thế chấp tài sản là phần đất thửa số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực Y, phường T, quận C, Thành Phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CR871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 50 ngày 25/07/2019 do Sở tài nguyên và môi trường Thành Phố C cấp cho bà Nguyễn Thị Bích H, chỉnh lý biến động sang tên bà Châu Thị Hồng N ngày 18/11/2020. Việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận C ngày 18/12/2020.

+ Đối với hợp đồng tín dụng số: REF2034400225 /HĐTD/SCB-NVT ngày 17/12/2020 bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T còn nợ: tổng số tiền gốc và lãi: 695.451.232đ (bao gồm: tiền gốc: 595.832.326đ, tiền lãi trong hạn: 90.139.486đ, tiền lãi quá hạn: 9.479.420đ).

+Đối với hợp đồng vay theo hạn mức thấu chi: REF2034400367/HĐTD/SCB-NVT ngày 17/12/2020 bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T còn nợ: tổng số tiền gốc và lãi là 603.808.227đ (bao gồm: tiền gốc: 490.000.000đ, tiền lãi trong hạn: 34.205.490, tiền lãi quá hạn: 79.602.737đ).

Ngân hàng thương mại cổ phần M khởi kiện yêu cầu bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi: 1.299.259.458. Nếu bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T không thanh toán số tiền trên thì ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là phần đất thửa đất số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực Y, phường T, quận C, Thành Phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CR871683, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09650 ngày 25/07/2019 do Sở tài nguyên và môi trường Thành Phố C cấp cho bà Nguyễn Thị Bích H, chỉnh lý biến động sang tên bà Châu Thị Hồng N ngày 18/11/2020, đồng thời ngân hàng TMCP M yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ trên theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các

bên đã ký cho đến khi bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T thanh toán xong ngân hàng.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên có yêu cầu độc lập: Yêu cầu bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền cả gốc và lãi: 1.299.259.458đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- **Về tuân theo pháp luật tố tụng:** Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

- **Về nội dung giải quyết vụ án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng TMCP M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, Thành Phố C nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: 249G khu vực 6, phường An Bình, K, Thành Phố C. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân K, Thành Phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân:* Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2019. Ngày 31/12/2020 Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, quá trình giải quyết vụ án ông T đồng ý ly hôn. Nên công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày: 15/09/2018. Bà N và ông T thống nhất giao cháu P do bà N chăm sóc. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T có ký hai hợp đồng tín dụng số: REF2034400225/HĐTD/SCB-NVT ngày 17/12/2020 và hợp đồng vay theo hạn mức thấu chi: REF 2034400367/HĐTD/SCB-NVT ngày 17/12/2020 để vay tiền. Đến thời điểm xét xử bà N và ông T còn nợ tổng số tiền cả gốc và lãi: 1.299.259.458đ (một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng). Do đó ngân hàng TMCP M khởi kiện yêu cầu bà N và ông T thanh toán số tiền cả gốc và lãi: 1.299.259.458đ (một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng) là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay bà N và ông T có ký hợp đồng thế chấp số REF2034400225/HĐTC/SCB-NVT ngày 17/12/2020, để thế chấp phần đất thửa số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực Yên Hạ, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, Thành Phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CR871683, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS09650 do Sở tài nguyên và môi trường Thành Phố C cấp cho bà Nguyễn Thị Bích Huệ ngày 25/07/2019, chỉnh lý biến động sang tên bà Châu Thị Hồng N ngày 18/11/2020. Việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Cái Răng ngày 18/12/2020. Do đó, nếu bà N và ông T không thanh toán số tiền gốc và lãi cho ngân hàng TMCP M thì ngân hàng cần phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: REF2034400225/HĐTC/SCB-NVT ngày 17/12/2020 để thu hồi nợ. Yêu cầu phát mãi tài sản của ngân hàng là có căn cứ và phù hợp.

Ngân hàng TMCP M yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ trên theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Yêu cầu tiếp tục tính lãi của Ngân hàng TMCP M là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Do yêu cầu độc lập của ngân hàng TMCP M được chấp nhận nên bà N và ông T phải chịu 50.900.000đ án phí dân sự.

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP M được chấp nhận nên bà N và ông T phải chịu 8.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP M đã nộp 8.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà N và ông T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP M số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27, Điều 37, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Nghị quyết 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày: 15/09/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần M.

Buộc bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần M số tiền cả gốc và lãi: 1.299.259.458đ (một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng). Nếu bà N và ông T không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần M có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số REF2034400225/HDTC/SCB-NVT ngày 17/12/2020, tài sản thế chấp là thửa đất số 1857, tờ bản đồ số 1, diện tích 160,8m² tọa lạc tại: khu vực ,

phường T, quận C, Thành Phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CR871683, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0 do Sở tài nguyên và môi trường Thành Phố C cấp cho bà Nguyễn Thị Bích H ngày 25/07/2019, chỉnh lý biến động sang tên bà Châu Thị Hồng N ngày 18/11/2020.

Bà N và ông T còn phải chịu lãi theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chi phí thẩm định:

Nguyên đơn: bà Châu Thị Hồng N phải chịu 300.000đ đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 006687 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C thành án phí nguyên đơn đã phải nộp.

Bà Châu Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T phải chịu: 50.900.000đ (năm mươi triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP M.

Ngân hàng TMCP M được nhận lại 22.803.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008088 ngày 10/11/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận C.

Về chi phí thẩm định: bà N và ông T phải chịu 8.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (do Ngân hàng TMCP M đã nộp 8.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà N và ông T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP M 8.000.000đ).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành Phố C giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Q.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc B